

Bản án số: **38/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-6-2020.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trần Văn Xuân.**

**2. Bà Trần Thị Kim Tân.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:** Không tham gia.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **125/2020/TLST-HNGĐ** ngày 12 tháng 3 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **36/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số **24/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Đoàn Thị Mỹ C** - Sn: 1985.

ĐKTT: Thôn H, xã C, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

**- Bị đơn:** Anh **Trần Đình H** - Sn: 1981.

ĐKTT: Ấp 2A, xã XH, huyện XH, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Trang trí nội thất.

Dân tộc: Kinh.

(Chị C và anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-02-2020, trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Đoàn Thị Mỹ C** trình bày:

Chị và anh **Trần Đình H** tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2005, tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của vợ

chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau, anh H không lo làm ăn để nuôi con. Nhận thấy, không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên chị yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con tên: Trần Đình S, sinh ngày 22-3-2006; Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

*Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Đình H trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị C. Anh không đồng ý ly hôn, vì còn yêu thương vợ con.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C thì:

Về con chung: Anh đồng ý giao người con tên Trần Đình S cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Đoàn Thị Mỹ C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C. Anh Trần Đình H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên áp dụng Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 224, Quyền số 02/05 ngày 16-12-2005, của Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, cấp cho anh H – chị C đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Trần Đình H và chị Đoàn Thị Mỹ C là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị C cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh H không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau, anh H không lo làm ăn để nuôi con, nên chị yêu cầu ly hôn anh H. Quá trình làm việc, hòa giải, anh H trình bày còn yêu thương vợ con nhưng thời gian qua anh cũng không thể hiện bằng việc làm cụ thể để tạo niềm tin cho chị C, anh bỏ mặc, công việc của anh và chị C phần ai người ấy làm. Qua đó, cho thấy anh H không còn quan tâm với chị C và con. Điều này cũng thể hiện tình cảm của anh đối với chị C và con không còn gắn bó và anh không cố gắng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ sống chung với nhau. Chúng tôi, hôn

nhân của anh H và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị C và anh H có 01 người con tên Trần Đình S, sinh ngày 22-3-2006, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H đồng ý. Nguyên vọng của con chung là được sống với chị C, thời gian qua chị C chăm sóc con đảm bảo. Do đó, giao người con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị C và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị C và anh H trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí*: Chị Đoàn Thị Mỹ C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 228; Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

#### **Tuyên xử :**

##### **1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị Mỹ C và anh Trần Đình H.

**2. Về con chung:** Giao người con chung tên Trần Đình S, sinh ngày 22-3-2006, cho chị Đoàn Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị C và anh H có yêu cầu khác.

Tạm thời anh Trần Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung và nợ:** Không giải quyết.

**4. Về án phí:**

Chị Đoàn Thị Mỹ C phải nộp **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí chị C nộp theo Biên lai thu tiền số: **0009135** ngày **12-3-2020**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Đoàn Thị Mỹ C, anh Trần Đình H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết Bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Anh Dũng**